

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

tên tiếng Việt: Âm vận học Hán Nôm

tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Sino-Nom Phonology

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

2. Số tín chỉ: 3

3. Trình độ (dành cho sinh viên năm thứ 1,2...): Năm thứ 3

4. Phân bố thời gian: 45 tiết (1 TC = 15 tiết lý thuyết hoặc 30 tiết thực hành)

- Lý thuyết: 45 tiết

- Thực hành:.....tiết

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: tiết

- Các hoạt động khác: bài tập 45 tiết

- Tự học: 90 tiết

5. Điều kiện tiên quyết:

- Môn học tiên quyết: Hán văn cơ bản, Chữ Nôm (cơ sở), Hán Nôm tăng cường, Tiếng Phổ thông Trung Quốc.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: cần cù, siêng năng.....

6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học: Học phần chủ yếu tập trung vào các mảng kiến thức sau:

Về Âm vận học chữ Hán:

- Đặc điểm và lịch sử hình thành âm Hán Việt.

- Đặc điểm và lịch sử phát triển ngữ âm tiếng Hán.

- Phương pháp đọc phiên thiết, độc nhược.

- Phương pháp sử dụng vận thư, đẳng vận đồ.

- Ứng dụng của kiến thức âm vận học trong các lĩnh vực: ngữ âm tiếng Việt, ngữ âm tiếng Hán hiện đại, sáng tác thơ ca, văn tự học, huấn hử học,...

Về Âm vận học chữ Nôm:

- Những vấn đề cơ bản của âm đọc chữ Nôm: Các hệ thống ghi âm tiếng Hán của người Việt: Âm Hán-Việt, Âm cổ Hán-Việt, Âm Hán-Việt Việt hoá. Các kiểu ghi âm của chữ Nôm.
- Ngữ âm lịch sử tiếng Việt và sự thay đổi âm đọc chữ Nôm.
- Nguyên tắc chỉnh âm trong chữ Nôm theo chiều hướng đồng đại và lịch đại.
- Ứng dụng đọc văn bản Nôm.

7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:

- Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cũng như thành tựu của âm vận học Trung Hoa và thế giới, các phạm trù và khái niệm cơ bản của âm vận học Trung Hoa như: thanh mẫu, vận mẫu, đẳng, nhiếp, hô, các vận thư và vận đồ cơ bản, các phép đọc chữ Hán như: đọc nhược, phiên thiết... Từ đó làm cho sinh viên thấy rõ sự khác biệt giữa âm tiết của tiếng Hán và các nhân tố biểu hiện nó với các đơn vị, cấp độ ngôn ngữ học như: âm tiết, hình vị, âm vị trong các ngôn ngữ châu Âu. Đồng thời cũng góp phần làm sáng rõ mối liên hệ giữa các kiến thức âm vận học với văn tự học, huấn hử học và thực tế sáng tác thơ ca. Môn học đồng thời cung cấp kiến thức về những vấn đề cơ bản của âm đọc chữ Nôm, giúp họ nắm được các kiểu ghi âm của chữ Nôm, tạo kỹ năng đọc văn bản Nôm trên cơ sở phân tích kết cấu về ngữ âm, từ đó sinh viên tập phân tích các loại âm đọc cũng như các luật chỉnh âm trong văn bản Nôm thuộc các thể loại.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên hiểu biết và vận dụng kiến thức về âm vận tiếng Hán, từ đó có thể hiểu được tác động của âm vận Hán đối với tiếng Việt lịch sử, đối với âm Hán Việt trên toàn hệ thống. Sinh viên cũng tự phân tích quá trình diễn biến của ngữ âm lịch sử tiếng Việt, áp dụng vào việc đọc chữ Nôm cụ thể, sử dụng sách công cụ để tìm hiểu sự phát triển của chữ Nôm qua các thời kỳ lịch sử. *(có thể tham khảo thang đo các cấp độ của Bloom để sử dụng các động từ/danh từ chỉ khả năng, kỹ năng và thái độ cụ thể)*

8. Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên
	<p>Hiểu biết và vận dụng kiến thức về âm vận tiếng Hán;</p> <p>Hiểu được tác động của âm vận Hán đối với tiếng Việt lịch sử, đối với âm Hán Việt trên toàn hệ thống.</p> <p>Sinh viên có thể phân tích quá trình diễn biến của ngữ âm lịch sử tiếng Việt, áp dụng vào việc đọc chữ Nôm cụ thể, sử dụng sách công cụ để tìm hiểu sự phát triển của chữ Nôm qua các thời kỳ</p>	<p><i>GV thuyết trình</i></p> <p><i>Thảo luận nhóm</i></p> <p><i>SV thuyết trình</i></p> <p>.....</p>	<p><i>Kỹ năng trình bày</i></p> <p><i>Ý kiến hỏi đáp</i></p> <p><i>Kiểm tra giữa kỳ</i></p>

	lịch sử.		

*Ghi chú:

- Bảng dưới đây áp dụng đối với các chương trình đào tạo tham gia đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA hoặc khuyến khích đối với các môn học chuyên ngành
- PLO viết tắt của thuật ngữ tiếng Anh “Program Learning Outcomes” (Kết quả học tập của chương trình đào tạo)

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	VD: <i>Mô tả/trình bày được</i>	<i>GV thuyết trình Thảo luận nhóm SV thuyết trình</i>	<i>Kỹ năng trình bày Ý kiến hỏi đáp Kiểm tra giữa kỳ</i>	<i>PLO1</i>	<i>PLO2</i>	<i>PLO3</i>

9. Tài liệu phục vụ môn học:

- Âm vận Hán:

1. 周祖謨 (1980), 《〈廣韻〉四聲韻字今音表》, 中華書局 (Châu Tố Mộ (1980), ‘*Quảng vận*’ *tứ thanh vận tự kim âm biểu*, Trung Hoa thư cục)
2. 丁聲樹、李榮 (1958), 《古今字音對照手冊》, 科學出版社 (Đinh Thanh Thu, Lý Vinh (1958), *Cổ kim tự âm đối chiếu thủ sách*, Khoa học xuất bản xã).
3. 董同龢 (2001), 《漢語音韻學》, 中華書局 (Đổng Đồng Hoà (2001), *Âm vận học Hán ngữ*, Trung Hoa thư cục)
4. 《音韻學教程》 (1991), 唐作藩, 北京大學出版社 (Đường Tác Phiên (1991), *Âm vận học giáo trình*, Bắc Kinh Đại học Xuất bản xã)
5. 《唐代長安方言攷》 (2005), [法]馬伯樂著, 聶鴻音譯, 中華書局 (Henry Maspéro (2005), *Đường đại Trường An phương ngôn khảo*, Trung Hoa thư cục)
6. [瑞典]高本漢著, 趙元任、羅常培、李芳桂合譯 (2003), 《中國音韻學研究》, 商務印書館 (Karl Gren (2003), *Trung Quốc âm vận học nghiên cứu*, Triệu Nguyên Nhậm, La Thường Bồi, Lý Phương Quế hợp dịch, Thương vụ ấn thư quán)
7. 李珍華、周長楫 (1999), 《漢字古今音表》, 中華書局 (Lý Trân Hoa, Châu Trường Tiếp (1999), *Hán tự cổ kim âm biểu*, Trung Hoa thư cục)
8. 郭錫良 (1982), 《漢字古音手冊》, 北京大學出版社 (Quách Tích Lương (1982), *Hán tự cổ kim âm thủ sách*, Bắc Kinh Đại học Xuất bản xã)

9. 陳複華 (2002), 《漢語音韻學基礎》, 中國人民大學出版社 (Trần Phúc Hoa (2002), *Hán ngữ Âm vận học cơ sở*, Trung Quốc Nhân dân Đại học Xuất bản xã)
10. 陳廣忠 (2003), 《〈韻鏡〉通釋》, 上海辭書出版社 (Trần Quảng Trung (2003), *Vận kính thông thích*, Thượng Hải Từ thư Xuất bản xã)
11. (2005) 《宋本〈廣韻〉·永祿本〈韻鏡〉》, 江蘇教育出版社 ((2005), *Tổng bản Quảng vận – Vĩnh Lộc bản Vận kính*, Nhà xuất bản Giáo dục Giang Tô)
12. 張玉書 (1985), 《康熙字典》, 上海書店出版社 (Trương Ngọc Thư (1985), *Khang Hy tự điển*, Thượng Hải Thư điểm Xuất bản xã)
13. 韋樹關 (2004), 《漢越語關係詞聲母系統研究》, 廣西民族出版社 (Vi Thụ Quan (2004), *Hán Việt ngữ quan hệ từ thanh mẫu hệ thống nghiên cứu*, Quảng Tây Dân tộc Xuất bản xã)
14. 王力 (1963), 《漢語音韻》, 中華書局 (Vương Lực (1963), *Hán ngữ âm vận*, Trung Hoa thư cục)
15. 王力 (1948), “漢越語研究”, 《龍蟲並雕齋文集》第二冊, 中華書局 (Vương Lực (1948), *Hán Việt ngữ nghiên cứu*, Long Trùng tính điều trai văn tập đệ nhị sách, Trung Hoa thư cục)
16. Nguyễn Tài Căn (2004), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Nguyễn Tài Căn (1997), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (Sơ thảo)*, Nxb. Giáo dục.
18. Trần Văn Chánh (2000), *Tự điển Hán Việt Hán ngữ cổ đại và hiện đại*, Nxb. Trẻ TP.HCM.
- Âm vận Nôm:
1. Đào Duy Anh (1975), *Chữ Nôm – nguồn gốc, cấu tạo, diễn biến*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Khuê (2009), *Chữ Nôm - Cơ sở và nâng cao*, Nxb. ĐHQG-HCM.
3. Nguyễn Tài Căn (1997), *Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (Sơ thảo)*, Nxb. Giáo dục (tái bản lần thứ I), Hà Nội.
4. Nguyễn Tài Căn (2004), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán-Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội (in lần thứ 3).
5. Lê Văn Quán (1981), *Nghiên cứu về chữ Nôm*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc San (1987), *Phần II* (viết về chữ Nôm) trong *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm, tập 4* (trong bộ *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, 4 tập, do Lê Trí Viễn chủ biên), Nxb. Giáo dục; tr. 184-338.
7. *Tự điển chữ Nôm* các loại, các lần xuất bản.
8. Các văn bản Nôm *Thiên Nam ngữ lục ngoại kỷ, Sài vãi, Việt sử diễn âm, Truyện con trâu bay, Văn tế Trương Trình*.

10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
--------------------	--	-----------	-----------	--------------------

Giữa kỳ	- Chuyên cần - Kiểm tra giữa kỳ	10 % 90 % 100%	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ/Tiểu luận	100%	Điểm cuối kỳ	70%
				100% (10/10)

Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên

11.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp,...
- Đọc tài liệu và chuẩn bị cho mỗi buổi học trước khi vào lớp...
- Sử dụng công nghệ/phần mềm/thực hành theo hướng dẫn của giảng viên.

11.2. Quy định về thi cử, học vụ

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ
- Trường hợp chép bài của người khác sẽ bị huỷ bài
-

11.3. Quy định về lịch tiếp SV ngoài giờ và liên hệ trợ giảng (nếu có)

-

12. Nội dung chi tiết môn học: (viết chi tiết tên chương, tiết, mục...)

- Phần 1: ÂM VẬN HỌC CHỮ HÁN

Chương 1: Dẫn luận.

- 1.1. Âm vận học và đối tượng nghiên cứu của Âm vận học.
- 1.2. Công dụng của Âm vận học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ, văn học.
- 1.3. Phương pháp học tập và nghiên cứu.

Chương 2: Kiến thức cơ bản

- 2.1. Kết cấu hệ thống ngữ âm tiếng Hán hiện đại
- 2.2. Kết cấu hệ thống ngữ âm Hán - Việt.
- 2.3. Những khái niệm cơ bản.
- 2.4. Thanh mẫu, thanh nữ, nữ.
- 2.5. Vận mẫu, vận, vận bộ, vận nhiếp.

2.6. Thanh điệu.

2.7. Phương pháp ký âm truyền thống của tiếng Hán: phiên thiết, độc nhược

2.8. Phiên thiết (phản thiết): phương pháp ghép đọc.

Chương 3: Quảng vận.

3.1. Nguồn gốc và thể lệ của vận thư “Quảng vận”.

3.2. Hệ thống thanh mẫu của “Quảng vận”.

3.3. Hệ thống vận bộ của “Quảng vận”.

3.4. Hệ thống ngữ âm “Quảng vận” đứng từ góc độ âm Hán Việt.

Chương 4: Đẳng vận đồ.

4.1. Nguồn gốc và đặc điểm

4.2. Sự khác biệt giữa đẳng vận đồ và vận thư

4.3. Phương pháp thực hiện đẳng vận đồ

- Phần 2: ÂM VẬN HỌC CHỮ NÔM

Chương 5: Những vấn đề cơ bản của âm đọc chữ Nôm.

5.1. Các hệ thống ghi âm tiếng Hán của người Việt.

5.2. Các kiểu ghi âm của chữ Nôm.

Chương 6: Nguyên tắc và sơ đồ chỉnh âm trong chữ Nôm theo chiều hướng đồng đại và lịch đại.

6.1. Chỉnh âm đầu.

6.2. Chỉnh vần.

6.3. Chỉnh thanh điệu.

Chương 8: Ứng dụng đọc văn bản Nôm:

8.1. *Việt sử diễn âm* (trích), bài đọc thêm: *Truyện con trâu bay*.

8.2. *Sãi vãi* (trích), bài đọc thêm: *Văn tế Trạng Trình*.

8.3. *Thiên Nam ngữ lục ngoại kỷ* (trích) .

13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc
1	5	- Phần 1: ÂM VẬN HỌC CHỮ HÁN Chương 1: Dẫn luận. 1.1. Âm vận học và đối tượng nghiên cứu của Âm vận học. 1.2. Công dụng của Âm vận học trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ, văn học.	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	王力 (1963) , 陳廣忠 (2003) , 陳復華 (2002) , 董同龢 (2001) .

		1.3. Phương pháp học tập và nghiên cứu.		
2	5	Chương 2: Kiến thức cơ bản 2.1. Kết cấu hệ thống ngữ âm tiếng Hán hiện đại 2.2. Kết cấu hệ thống ngữ âm âm Hán - Việt. 2.3. Những khái niệm cơ bản	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	王力 (1963), 陳廣忠 (2003), 陳複華 (2002), 董同龢 (2001).
3	5	2.4. Thanh mẫu, thanh nữ, nữ. 2.5. Vận mẫu, vận, vận bộ, vận nhiếp. 2.6. Thanh điệu.	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	韋樹關 (2004), 《宋本〈廣韻〉·永祿本〈韻鏡〉》, 《唐代長安方言攷》 (2005),
4	5	2.7. Phương pháp ký âm truyền thống của tiếng Hán: phiên thiết, độc nhược 2.8. Phiên thiết (phản thiết): phương pháp ghép đọc.	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	王力 (1963), 陳廣忠 (2003), 陳複華 (2002), 董同龢 (2001).
5	5	Chương 3: Quảng vận. 3.1. Nguồn gốc và thể lệ của vận thư “Quảng vận”. 3.2. Hệ thống thanh mẫu của “Quảng vận”. 3.3. Hệ thống vận bộ của “Quảng vận”. 3.4. Hệ thống ngữ âm “Quảng vận” đứng từ góc độ âm Hán Việt.	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	周祖謨 (1980)
6	5	Chương 4: Đẳng vận đồ. 4.1. Nguồn gốc và đặc điểm 4.2. Sự khác biệt giữa đẳng vận đồ và vận thư 4.3. Phương pháp thực hiện đẳng vận đồ	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	董同龢 (2001), 《音韻學教程》 (1991), 王力 (1963), 陳廣忠 (2003), 陳複華 (2002), 董同龢 (2001).
7	5	Chương 5: Những vấn đề cơ bản của âm đọc chữ Nôm. 5.1. Các hệ thống ghi âm tiếng Hán của người Việt. 5.2. Các kiểu ghi âm của chữ Nôm.	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	Đào Duy Anh (1975), Nguyễn Khuê (2009), Nguyễn Tài Cẩn (1997), Nguyễn Tài Cẩn (2004), Lê Văn Quán (1981), Nguyễn Ngọc San (1987).
8	5	Chương 6: Nguyên tắc và sơ đồ chỉnh âm trong chữ Nôm theo chiều hướng đồng đại và lịch đại. 6.1. Chỉnh âm đầu. 6.2. Chỉnh vần. 6.3. Chỉnh thanh điệu.	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo hướng dẫn của GV	Đào Duy Anh (1975), Nguyễn Khuê (2009), Nguyễn Tài Cẩn (1997), Nguyễn Tài Cẩn (2004), Lê Văn Quán (1981), Nguyễn Ngọc San (1987).
9	5	Chương 8: Ứng dụng đọc văn bản Nôm: 8.1. Việt sử diễn âm (trích), bài đọc thêm: Truyện con	- GV thuyết trình - SV thảo luận trong nhóm - SV đọc tài liệu theo	Văn bản Nôm <i>Thiên Nam ngữ lục ngoại kỷ</i> , <i>Sãi vãi</i> , <i>Việt sử diễn âm</i> , <i>Truyện con trâu bay</i> , <i>Văn tế Trạng</i>

	<i>trâu bay.</i> 8.2. <i>Sãi vãi</i> (trích), bài đọc thêm: <i>Văn tế Trạng Trình.</i> 8.3. <i>Thiên Nam ngữ lục ngoại kỷ</i> (trích) .	<i>hướng dẫn của GV</i>	<i>Trình.</i>
--	---	-------------------------	---------------

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 10 năm 2014

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS. LÊ GIANG

TS. LÊ QUANG TRƯỜNG

TS. NGUYỄN NGỌC QUẬN

*** Ghi chú tổng quát:**

Trường hợp đề cương môn học cần được phát cho sinh viên hoặc môn học chỉ có một GV tham gia giảng dạy thì có thể bổ sung ngay từ đầu phần sau đây (đưa lên phần đầu của đề cương):

Giảng viên phụ trách môn học (có thể dùng bảng hoặc không)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có)

Họ và tên:	Học hàm, học vị:
Địa chỉ cơ quan:	Điện thoại liên hệ:
Email:	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	(nêu rõ hình thức liên lạc giữa sinh viên với giảng viên/trợ giảng)
-------------------------------	---

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)